

CÔNG ƯỚC VỀ VỊ THẾ CỦA NGƯỜI KHÔNG QUỐC TỊCH, 1954

(Được thông qua tại Hội nghị các Đại sứ đặc mệnh toàn quyền tại Liên Hợp Quốc ngày 28/9/1954, tổ chức theo Nghị quyết 526(XVII) ngày 26/5/1954 của Hội đồng Kinh tế - Xã hội. Có hiệu lực từ ngày 6/6/1960 theo điều 39)

LỜI MỞ ĐẦU

Các Bên tham gia Công ước,

Xét rằng, Hiến chương Liên Hợp Quốc và Tuyên ngôn toàn thế giới về quyền con người được Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua ngày 10/12/1948 đã khẳng định nguyên tắc mọi người được hưởng các quyền và tự do cơ bản mà không bị phân biệt đối xử,

Xét rằng Liên Hợp Quốc, trong nhiều trường hợp, đã bày tỏ mối quan tâm sâu sắc về những người không quốc tịch và đã nỗ lực để bảo đảm cho họ thực hiện ở mức nhiều nhất có thể các quyền và tự do cơ bản nói trên,

Xét rằng, mới chỉ có những người không quốc tịch đồng thời là người tị nạn được Công ước về Vị thế của Người tị nạn ngày 28/7/1951 bảo vệ, và rằng, có nhiều người không quốc tịch không được Công ước trên bảo vệ,

Xét rằng, cần thiết phải qui định và nâng cao vị thế của những người không quốc tịch bằng một thoả thuận quốc tế,

Đã thoả thuận như sau:

Chương I

NHỮNG ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1: Định nghĩa thuật ngữ “người không quốc tịch”

1. Vì mục đích của Công ước này, thuật ngữ “người không quốc tịch” có nghĩa là người không được coi là công dân của bất kỳ quốc gia nào theo pháp luật hiện hành của quốc gia đó.

2. Công ước này không áp dụng:

(i) Đối với những người hiện đang được các cơ quan hay tổ chức của Liên Hợp Quốc, ngoài Cao uỷ Liên Hợp Quốc về người tị nạn, bảo vệ hoặc trợ giúp, chừng nào họ vẫn còn nhận được sự bảo vệ hay trợ giúp đó;

(ii) Đối với những người được các cơ quan có thẩm quyền của nước mà họ cư trú công nhận có các quyền và nghĩa vụ gắn với việc có quốc tịch ở nước đó;

(iii) Đối với những người mà có nhiều lý do nghiêm trọng liên quan đến họ cho thấy rằng:

(a) Họ đã phạm tội chống hoà bình, tội ác chiến tranh hay tội ác chống nhân loại, như đã được định nghĩa trong các văn kiện quốc tế được soạn thảo về các tội ác này;

(b) Họ đã phạm một tội phi chính trị nghiêm trọng ở bên ngoài nước họ cư trú trước khi được phép vào nước đó;

(c) Họ đã phạm tội vì những hành vi đi ngược lại những mục tiêu và nguyên tắc của Liên Hợp Quốc.

Điều 2: Nghĩa vụ chung

Mỗi người không quốc tịch đều có những nghĩa vụ đối với đất nước nơi người đó cư trú, những nghĩa vụ này đòi hỏi người đó phải tuân thủ các quy định pháp luật của nước đó cũng như những biện pháp được áp dụng để duy trì trật tự công cộng.

Điều 3: Không phân biệt đối xử

Các quốc gia thành viên phải áp dụng các quy định của Công ước này đối với mọi người không quốc tịch, mà không có sự phân biệt về chủng tộc, tôn giáo hay nguồn gốc quốc gia.

Điều 4: Tôn giáo

Các quốc gia thành viên phải dành cho những người không quốc tịch trong phạm vi lãnh thổ của mình sự đối xử ít nhất cũng thuận lợi như sự đối xử với công dân của nước mình về tự do thực hành tôn giáo và các tự do khác liên quan đến việc giáo dục tôn giáo của con cái họ.

Điều 5: Các quyền được bảo đảm ngoài Công ước này

Không một quy định nào trong Công ước này sẽ được giải thích nhằm làm tổn hại đến bất kỳ quyền và lợi ích nào được quốc gia thành viên dành cho những người không quốc tịch ngoài các quyền được quy định trong Công ước này.

Điều 6: Thuật ngữ “trong những hoàn cảnh như nhau”

Với mục đích của công ước này, thuật ngữ “trong những hoàn cảnh như nhau” hàm ý rằng bất kỳ những yêu cầu nào (kể cả những yêu cầu về điều kiện và thời gian tạm trú hoặc thường trú) mà một cá nhân cụ thể sẽ phải đáp ứng để hưởng những quyền liên quan nếu người đó không phải là người không quốc tịch phải được người đó đáp ứng, ngoại trừ những yêu cầu mà xét về bản chất, một người không quốc tịch không có khả năng thực hiện.

Điều 7: Miễn trừ nguyên tắc có đi có lại

1. Trừ khi Công ước này chứa nhiều điều khoản ưu đãi hơn, một quốc gia thành viên phải dành cho những người không quốc tịch sự đối xử giống như sự đối xử dành cho những người nước ngoài khác nói chung.

2. Sau khoảng thời gian cư trú 3 năm, tất cả những người không quốc tịch sẽ được miễn áp dụng nguyên tắc pháp lý có đi có lại tại lãnh thổ của các quốc gia thành viên.

3. Mỗi quốc gia thành viên phải tiếp tục dành cho những người không quốc tịch những quyền và lợi ích mà họ đã được hưởng khi không áp dụng nguyên tắc có đi có lại, tại thời điểm Công ước này bắt đầu có hiệu lực với quốc gia đó.

4. Quốc gia thành viên sẽ xem xét một cách thuận lợi khả năng dành cho những người không quốc tịch, khi không áp dụng nguyên tắc có đi có lại, các quyền và lợi ích ngoài những quyền và lợi ích mà họ được hưởng theo qui định tại khoản 2 và 3, đồng thời mở rộng việc miễn áp dụng nguyên tắc có đi có lại đối với những người không quốc tịch mà không đáp ứng những điều kiện được quy định tại khoản 2 và 3.

5. Các qui định của khoản 2 và 3 áp dụng đối với cả các quyền và lợi ích được đề cập tại các điều 13, 18, 19, 21, và 22 của Công ước này cũng như các quyền và lợi ích mà Công ước này không quy định.

Điều 8: Miễn trừ những biện pháp ngoại lệ

Liên quan đến những biện pháp ngoại lệ có thể được áp dụng chống lại người, tài sản và lợi ích của những công dân hoặc những người trước đây là công dân của một quốc gia khác, các quốc gia thành viên sẽ không áp dụng những biện pháp đó đối với những người không quốc tịch nếu chỉ căn cứ vào việc người đó trước đó đã có quốc tịch của quốc gia khác. Các quốc gia thành viên, mà theo quy định pháp luật của mình, không được áp dụng nguyên tắc chung được nêu tại điều này, trong các trường hợp thích hợp, sẽ dành những miễn trừ có lợi cho những người không quốc tịch nói trên.

Điều 9: Những biện pháp tạm thời

Không một quy định nào trong Công ước này cản trở một quốc gia thành viên, trong thời gian chiến tranh hay những hoàn cảnh nghiêm trọng và ngoại lệ khác, áp dụng tạm thời những biện pháp được xem là cần thiết đối với an ninh quốc gia trong trường hợp của một người cụ thể nào đó, trong khi quốc gia thành viên xác định rằng người đó trên thực tế là người không quốc tịch, và rằng sự tiếp tục những biện pháp như vậy là cần thiết trong trường hợp của người đó vì lợi ích an ninh quốc gia.

Điều 10: Tiếp tục cư trú

1. trường hợp một người đã bị buộc rời khỏi đất nước trong Chiến tranh thế giới thứ hai và đã chuyển đến lãnh thổ của một quốc gia thành viên và hiện đang cư trú ở đó, thì khoảng thời gian tạm trú bắt buộc đó phải được xem xét là cư trú hợp pháp ở lãnh thổ đó.

2. trường hợp một người trong Chiến tranh thế giới lần thứ hai đã bị buộc rời khỏi lãnh thổ của một quốc gia thành viên và trước ngày Công ước có hiệu lực, đã quay trở lại quốc gia thành viên đó để tiếp tục cư trú, thì khoảng thời gian cư trú trước và sau sự di chuyển bắt buộc đó sẽ được xem như một khoảng thời gian cư trú liên tục, vì bất kỳ mục đích nào mà đòi hỏi sự cư trú liên tục.

Điều 11: Những thủy thủ không có quốc tịch

trường hợp những người không quốc tịch thường xuyên làm việc với tư cách là thủy thủ trên tàu mang cờ của một quốc gia thành viên, quốc gia đó phải xem xét với sự cảm thông đối với cơ nghiệp của những người đó trên lãnh thổ của mình, và cấp giấy tờ thông hành cho họ hay giấy phép nhập cảnh tạm thời vào lãnh thổ của

minh, đặc biệt với mục đích tạo điều kiện thuận lợi cho cơ nghiệp của họ ở một nước khác.

Chương II

ĐỊA VỊ PHÁP LÝ

Điều 12: Vị thế cá nhân

1. Vị thế cá nhân của một người không quốc tịch sẽ được điều chỉnh theo luật của nước người đó thường trú hoặc, nếu người đó không có nơi thường trú, thì theo luật của nước mà người đó đang sống.

2. Các quyền mà một người không quốc tịch có được từ trước và phụ thuộc vào vị thế cá nhân, đặc biệt là những quyền gắn liền với hôn nhân, sẽ được quốc gia thành viên tôn trọng, với việc tuân thủ, nếu cần thiết, những thủ tục mà pháp luật quốc gia đó yêu cầu, với điều kiện quyền nêu trên là quyền đã được pháp luật của quốc gia, mà trước đó người này chưa trở thành người không quốc tịch đã công nhận.

Điều 13: Động sản và bất động sản

Các quốc gia thành viên sẽ dành cho người không quốc tịch sự đối xử càng thuận lợi càng tốt và, trong bất kì trường hợp nào, cũng không kém thuận lợi hơn sự đối xử được dành cho người nước ngoài nói chung trong những hoàn cảnh như nhau, đối với việc có được động sản và bất động sản và những quyền khác gắn liền theo đó, cũng như với những hợp đồng cho thuê và hợp đồng khác liên quan đến động sản và bất động sản.

Điều 14: Những quyền về nghệ thuật và sở hữu công nghiệp

Liên quan đến việc bảo vệ sở hữu công nghiệp, chẳng hạn như những phát minh, thiết kế hay mẫu, nhãn hiệu hàng hóa, tên thương mại và những quyền về các tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học, một người không quốc tịch sẽ được dành cho, tại nước nơi người đó thường trú, sự bảo hộ tương tự như công dân của nước đó. Tại lãnh thổ của bất kì quốc gia thành viên nào, người đó sẽ được dành sự bảo hộ tương tự như công dân của quốc gia nơi người đó thường trú.

Điều 15: Quyền lập hội

Đối với những tổ chức phi chính trị, phi lợi nhuận và các công đoàn, các quốc gia thành viên sẽ dành cho những người không quốc tịch cư trú hợp pháp trên lãnh thổ của mình sự đối xử càng thuận lợi càng tốt và trong bất kì trường hợp nào, cũng không kém thuận lợi hơn sự đối xử dành cho những người nước ngoài nói chung trong hoàn cảnh như nhau..

Điều 16: Tiếp cận toà án

1. Người không quốc tịch có quyền tự do tiếp cận các toà án ở lãnh thổ của mọi quốc gia thành viên.

2. Người không quốc tịch được hưởng trên lãnh thổ của quốc gia thành viên mà người đó thường trú sự đối xử tương tự như một công dân trong những vấn đề gắn với việc tiếp cận toà án, kể cả sự trợ giúp pháp lý và miễn tiền đặt cọc thi hành án và/hoặc án phí.

3. Đối với những vấn đề được đề cập tại khoản 2, một người không quốc tịch, khi ở những nước khác không phải nước mà người đó thường trú thì sẽ được dành cho sự đối xử như đối với công dân của nước người đó thường trú.

Chương III

CÔNG VIỆC ĐƯỢC TRẢ LƯƠNG

Điều 17: Lao động ăn lương

1. Các quốc gia thành viên sẽ dành cho người không quốc tịch đang cư trú hợp pháp tại lãnh thổ của mình sự đối xử càng thuận lợi càng tốt và, trong bất kỳ trường hợp nào, cũng không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà quốc gia thành viên dành cho những người nước ngoài trong hoàn cảnh như nhau, liên quan đến quyền lao động được trả lương.

2. Các quốc gia thành viên phải xem xét với sự cảm thông việc nội luật hoá các quyền của người không quốc tịch liên quan đến lao động được trả lương với các quyền của công dân, và cụ thể là các quyền của những người không quốc tịch đã đến lãnh thổ của quốc gia thành viên theo các chương trình tuyển dụng lao động hay theo các kế hoạch nhập cư.

Điều 18: Lao động tự làm chủ

Các quốc gia thành viên sẽ dành cho người không quốc tịch cư trú hợp pháp trên lãnh thổ của mình sự đối xử càng thuận lợi càng tốt, và trong bất kỳ trường hợp nào, cũng không kém hơn sự đối xử được dành cho những người nước ngoài nói chung trong hoàn cảnh như nhau, liên quan đến quyền tham gia sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, thủ công nghiệp và thương mại cho bản thân mình và thành lập các công ty thương mại và công nghiệp

Điều 19: Hành nghề tự do

Mỗi quốc gia thành viên sẽ dành cho những người không quốc tịch đang cư trú hợp pháp tại lãnh thổ của mình nhưng có bằng cấp được các cơ quan có thẩm quyền của quốc gia thành viên đó thừa nhận và đang mong muốn hành nghề tự do, sự đối xử càng thuận lợi càng tốt và, trong bất kỳ trường hợp nào, cũng không kém hơn sự đối xử được dành cho những người nước ngoài nói chung trong những hoàn cảnh như nhau.

Chương IV

PHÚC LỢI

Điều 20: Chính sách phân phối

Nếu tồn tại hệ thống phân phối áp dụng cho phần lớn cư dân và hệ thống này điều chỉnh sự phân phối chung các sản phẩm khan hiếm, những người không quốc tịch sẽ được quốc gia thành viên dành cho sự đối xử như đối với những công dân của mình.

Điều 21: Nhà ở

Về nhà ở, các quốc gia thành viên, trong chừng mực vấn đề này được điều chỉnh bởi luật hay những qui định dưới luật hoặc dưới sự kiểm soát của các cơ quan

công quyền, sẽ dành cho những người không quốc tịch đang cư trú hợp pháp trên lãnh thổ của mình sự đối xử càng thuận lợi càng tốt và, trong bất kỳ trường hợp nào, cũng không kém hơn sự đối xử được dành cho những người nước ngoài nói chung trong những hoàn cảnh như nhau.

Điều 22: Giáo dục công

1. Các quốc gia thành viên sẽ dành cho người không quốc tịch sự đối xử tương tự như dành cho công dân của mình liên quan đến vấn đề giáo dục tiểu học.
2. Các quốc gia thành viên sẽ dành cho người không quốc tịch sự đối xử, càng thuận lợi càng tốt, và trong bất kỳ trường hợp nào, cũng không kém hơn sự đối xử được dành cho những người nước ngoài nói chung trong những hoàn cảnh như nhau, liên quan đến lĩnh vực giáo dục ngoài giáo dục tiểu học và đặc biệt, đối với việc tiếp cận nền học vấn, việc thừa nhận các chứng chỉ, chứng nhận, bằng cấp của các trường nước ngoài, sự miễn giảm học phí và các khoản chi trả khác cũng như việc cấp học bổng.

Điều 23: Trợ cấp nhà nước

Các quốc gia thành viên sẽ dành cho những người không quốc tịch đang cư trú hợp pháp ở lãnh thổ của mình sự đối xử tương tự như được dành cho công dân của mình liên quan đến vấn đề về trợ cấp và trợ giúp nhà nước.

Điều 24: Pháp luật lao động và an sinh xã hội

1. Các quốc gia thành viên sẽ dành cho những người không quốc tịch đang cư trú hợp pháp trên lãnh thổ của mình sự đối xử tương tự như được dành cho công dân của mình liên quan đến những vấn đề sau:

(a) Tiền lương kể cả những trợ cấp gia đình trong trường hợp những trợ cấp này là một phần của tiền lương, thời gian làm việc, làm thêm giờ, ngày nghỉ được trả lương, các hạn chế về làm việc tại gia, tuổi lao động tối thiểu, học nghề và đào tạo nghề, lao động nữ và lao động thanh thiếu niên, sự thụ hưởng những lợi ích từ thoả ước lao động tập thể trong chừng mực những vấn đề này được điều chỉnh bởi luật hoặc những qui định dưới luật hay dưới sự kiểm soát của các cơ quan hành chính.

(b) An sinh xã hội (những qui định pháp lý về tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, nghỉ sinh con, đau ốm, tàn tật, tuổi già, chết, thất nghiệp, trách nhiệm gia đình và bất kỳ những bất trắc nào khác được hệ thống an sinh xã hội bảo hiểm theo các qui định pháp luật quốc gia) theo theo những hạn chế sau:

(i) Có thể có những dàn xếp phù hợp để duy trì những quyền đã có được và những quyền đang trong quá trình hình thành;

(ii) Luật hoặc những qui định dưới luật của nước cư trú có thể qui định những dàn xếp đặc biệt liên quan đến lợi ích hoặc một phần lợi ích có thể được quỹ công chi trả toàn bộ, và liên quan đến những trợ cấp trả cho những người không đáp ứng những điều kiện đóng góp theo qui định để được hưởng hưu trí bình thường.

2. Quyền được bồi thường do một người không quốc tịch chết vì tai nạn lao động hay bệnh nghề nghiệp sẽ bị không ảnh hưởng vì lý do người được hưởng lợi cư trú bên ngoài lãnh thổ của quốc gia thành viên.

3. Quốc gia thành viên sẽ dành cho những người không quốc tịch các lợi ích của những thoả thuận được ký kết giữa họ hoặc có thể được ký kết giữa họ trong tương lai, liên quan đến sự duy trì những quyền đã đạt được và những quyền đang trong quá trình hình thành về an sinh xã hội, theo những điều kiện áp dụng cho công dân của quốc gia ký kết thoả thuận liên quan.

4. Quốc gia thành viên phải sự xem xét với sự cảm thông việc mở rộng cho những người không quốc tịch, ở mức độ có thể, những lợi ích của những thoả thuận tương tự có thể sẽ có hiệu lực, vào bất kỳ thời điểm nào, giữa các quốc gia thành viên và các quốc gia không thành viên.

Chương V

CÁC BIỆN PHÁP HÀNH CHÍNH

Điều 25: Trợ giúp hành chính

1. Khi một người không quốc tịch thực hiện một quyền mà thông thường cần sự trợ giúp của các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài mà người đó không thể có được, quốc gia thành viên mà người đó đang cư trú sẽ thu xếp để giúp đỡ người đó bằng chính cơ quan có thẩm quyền của mình.

2. Cơ quan hay những cơ quan được đề cập tại khoản 1 sẽ cấp, hoặc yêu cầu cấp dưới sự giám sát của các cơ quan đó, cho người không quốc tịch các giấy tờ hoặc chứng nhận mà thông thường được cấp cho những người nước ngoài bởi hoặc thông qua các cơ quan có thẩm quyền của nước họ.

3. Các giấy tờ hay những chứng nhận được cấp như vậy sẽ thay thế những văn bản chính thức được cấp cho những người nước ngoài bởi hoặc thông qua các cơ quan có thẩm quyền của nước họ, và sẽ có giá trị nếu không có bằng chứng ngược lại.

4. Theo sự đối xử ngoại lệ có thể được dành cho người nghèo, các khoản phí cũng có thể phải trả cho các dịch vụ nêu trên nhưng những khoản phí như vậy sẽ ở mức vừa phải và tương xứng với mức phí mà công dân nước quốc gia đó phải trả cho những dịch vụ tương tự.

5. Những quy định của điều này không làm ảnh hưởng đến các điều 27 và 28 .

Điều 26: Tự do đi lại

Mỗi quốc gia thành viên sẽ dành cho người không quốc tịch cư trú hợp pháp trên lãnh thổ của mình quyền được lựa chọn nơi cư trú và quyền tự do đi lại trong lãnh thổ của mình và chịu sự điều chỉnh của bất kì quy định nào áp dụng cho người nước ngoài nói chung trong những hoàn cảnh như nhau .

Điều 27: Giấy chứng minh

Các quốc gia thành viên sẽ cấp giấy chứng minh cho bất kì người không quốc tịch nào trên lãnh thổ của mình mà không có giấy chứng minh có giá trị pháp lý.

Điều 28. Giấy tờ thông hành

Các quốc gia thành viên sẽ cấp cho người không quốc tịch cư trú hợp pháp trên lãnh thổ của mình những giấy tờ thông hành cần thiết cho mục đích đi lại ngoài lãnh thổ của mình, trừ phi có những lí do cấp bách về an ninh quốc gia hay trật tự

công cộng đòi hỏi khác; và những quy định tại Phụ lục của Công ước này sẽ áp dụng liên quan tới những giấy tờ đó. Các quốc gia thành viên có thể cấp giấy tờ thông hành như vậy cho bất kì người không có quốc tịch nào khác trên lãnh thổ của mình; các quốc gia thành viên, cụ thể, phải xem xét với sự cảm thông đối với việc cấp giấy tờ thông hành như vậy cho người không quốc tịch trên lãnh thổ của mình mà không thể có được một giấy thông hành của đất nước nơi họ cư trú hợp pháp.

Điều 29. Phí tài chính.

1. Các quốc gia thành viên sẽ không ấn định đối với người không quốc tịch những khoản lệ phí, phí hoặc thuế dưới bất kì hình thức nào, khác hoặc cao hơn những khoản lệ phí, phí hoặc thuế đang thu hoặc có thể thu đối với những công dân của mình trong những hoàn cảnh như nhau.
2. Không một quy định nào thuộc khoản trên cản trở việc áp dụng đối với người không quốc tịch những quy định pháp luật về các khoản phí liên quan để việc cấp giấy tờ cho người nước ngoài, kể cả giấy chứng minh.

Điều 30. Di chuyển tài sản

1. Một quốc gia thành viên, phù hợp các quy định pháp luật của mình, cho phép người không quốc tịch chuyển tài sản mà họ đã mang vào lãnh thổ của mình đến một nước khác nơi họ đã được chấp nhận cho tái định cư.
2. Một quốc gia thành viên phải xem xét với sự cảm thông đơn xin phép của người không quốc tịch về việc chuyển tài sản của họ bất cứ nơi nào có thể mà cần thiết cho việc tái định cư ở một nước mà họ đã được chấp nhận.

Điều 31: Trục xuất.

1. Các quốc gia thành viên sẽ không trục xuất một người không quốc tịch cư trú hợp pháp trên lãnh thổ của mình, ngoại trừ những lý do an ninh hoặc trật tự công cộng.
2. Việc trục xuất một người không quốc tịch sẽ chỉ được thực hiện theo một quyết định được đưa ra phù hợp với trình tự pháp luật hợp lệ. Trừ khi những lý do cấp bách về an ninh quốc gia đòi hỏi khác, người không quốc tịch sẽ được phép trình những bằng chứng để tự bào chữa, kháng cáo và có người đại diện trước cơ quan có thẩm quyền hay trước một hoặc nhiều người được cơ quan có thẩm quyền chỉ định.
3. Các quốc gia thành viên sẽ cho phép một người không quốc tịch như vậy có một khoảng thời gian thích hợp để tìm kiếm sự chấp nhận cho cư trú hợp pháp ở một nước khác. Các quốc gia thành viên bảo lưu quyền áp dụng những biện pháp nội bộ được coi là cần thiết trong khoảng thời gian đó.

Điều 32: Nhập quốc tịch

Các quốc gia thành viên sẽ tạo điều kiện thuận lợi hết mức có thể cho việc hoà nhập và nhập tịch của người không quốc tịch. Các quốc gia thành viên cụ thể sẽ tiến hành mọi nỗ lực để xúc tiến thủ tục nhập tịch và giảm hết mức có thể các khoản phí và chi phí cho những thủ tục như vậy.

NHỮNG ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 33: Thông tin về pháp luật quốc gia.

Các quốc gia thành viên sẽ thông báo cho Tổng thư ký Liên Hợp Quốc những quy định pháp luật mà mình có thể thông qua để bảo đảm thực hiện Công ước này.

Điều 34. Giải quyết tranh chấp.

Bất kỳ tranh chấp nào giữa các quốc gia thành viên Công ước này liên quan đến việc giải thích hoặc áp dụng Công ước, mà không thể được giải quyết bằng những biện pháp khác sẽ được chuyển đến Tòa án Công lý quốc tế theo yêu cầu của bất kỳ một bên tranh chấp nào.

Điều 35. Ký, phê chuẩn và gia nhập.

1. Công ước này sẽ đề nghị cho các quốc gia ký tại Trụ sở chính của Liên Hợp Quốc cho đến ngày 31/12/1955.

2. Công ước sẽ đề nghị cho các quốc gia sau đây ký:

- (a) Bất kỳ quốc gia thành viên nào của Liên Hợp Quốc;
- (b) Bất kỳ quốc gia nào được mời tham dự Hội nghị Liên Hợp Quốc về Vị thế của người không quốc tịch;
- (c) Bất kỳ quốc gia nào nhận được lời mời ký hoặc gia nhập của Đại hội đồng Liên Hợp Quốc.

3. Công ước phải được phê chuẩn và các văn kiện phê chuẩn phải được nộp lưu chiểu cho Tổng thư ký Liên Hợp Quốc.

4. Công ước đề nghị cho việc gia nhập của các quốc gia được đề cập tại khoản 2 điều này. Việc gia nhập sẽ có thực hiện bằng cách nộp lưu chiểu văn kiện gia nhập cho Tổng thư ký Liên Hợp Quốc.

Điều 36. Điều khoản áp dụng theo lãnh thổ.

1. Bất kỳ quốc gia nào, tại thời điểm ký, phê chuẩn hoặc gia nhập, phải tuyên bố rằng Công ước này sẽ được áp dụng tại tất cả hoặc bất kỳ lãnh thổ nào mà quốc gia đó có trách nhiệm về quan hệ quốc tế. Một tuyên bố như vậy sẽ có hiệu lực khi công ước bắt đầu có hiệu lực đối với quốc gia liên quan.

2. Tại bất kỳ thời điểm nào sau đó, bất kỳ sự mở rộng áp dụng nào như vậy sẽ được thực hiện bằng cách gửi thông báo cho Tổng thư ký Liên Hợp Quốc và sẽ có hiệu lực từ ngày thứ 90 sau ngày Tổng thư lý Liên Hợp Quốc nhận được thông báo đó, hoặc tính từ ngày Công ước có hiệu lực đối với quốc gia liên quan nếu thời điểm nào xảy ra muộn hơn.

3. Đối với những lãnh thổ mà công ước này không được mở rộng áp dụng tại thời điểm ký hoặc phê chuẩn, gia nhập, mỗi quốc gia liên quan phải xem xét khả năng tiến hành những bước cần thiết để mở rộng việc áp dụng Công ước này ở những lãnh thổ đó, với sự chấp thuận của chính phủ những lãnh thổ đó theo những thủ tục hiến định nếu cần thiết.

Điều 37. Điều khoản liên bang

Trong trường hợp quốc gia liên bang hoặc không đơn nhất, những quy định sau đây sẽ được áp dụng:

(a) Đối với những quốc gia mà điều khoản của Công ước này nằm trong thẩm quyền lập pháp của cơ quan lập pháp liên bang, thì nghĩa vụ của chính phủ liên bang, trong chừng mực này, sẽ tương tự như những nghĩa vụ của các quốc gia thành viên không phải là quốc gia liên bang.

(b) Đối với những quốc gia mà việc áp dụng những điều khoản của công ước này nằm trong thẩm quyền lập pháp của các bang, các tỉnh mà theo quy định của hệ thống hiến pháp liên bang, không có nghĩa vụ thực hiện cam kết của liên bang thì chính phủ liên bang sẽ gửi những điều khoản của Công ước này kèm theo những khuyến nghị tán thành để lưu ý các cơ quan có thẩm quyền thích hợp của các bang, các trong thời gian sớm nhất có thể.

(c) Một quốc gia liên bang thành viên công ước này, theo đề nghị của bất kỳ quốc gia thành viên nào khác thông qua Tổng thư ký Liên Hợp Quốc, sẽ phải thông báo về tình hình về pháp luật và thực tiễn của liên bang và các bộ phận cấu thành của liên bang liên quan đến bất kỳ quy định cụ thể nào của Công ước cho thấy mức độ hiệu lực mà hành động lập pháp hoặc hành động khác đã trao cho quy định đó.

Điều 38. Bảo lưu

1. Tại thời điểm ký, phê chuẩn hay gia nhập, bất kỳ quốc gia nào đều có thể thực hiện bảo lưu những điều khoản của Công ước, trừ các điều 1, 3, 4, 16 (1) và các điều từ 33 đến 42.

2. Bất kỳ quốc gia nào thực hiện bảo lưu phù hợp với khoản 1 của điều này có thể rút lại bảo lưu tại bất cứ thời điểm nào bằng một thông báo gửi cho Tổng thư ký Liên Hợp Quốc.

Điều 39. Hiệu lực

1. Công ước này sẽ bắt đầu có hiệu lực kể từ ngày thứ 90 sau ngày văn kiện phê chuẩn hay gia nhập thứ sáu được nộp lưu chiểu.

2. Đối với mỗi quốc gia phê chuẩn hay gia nhập công ước này sau khi văn kiện phê chuẩn hay gia nhập thứ sáu được lưu chiểu, Công ước sẽ bắt đầu có hiệu lực kể từ ngày thứ 90 sau ngày văn kiện phê chuẩn hay gia nhập của quốc gia đó được lưu chiểu.

Điều 40. Bãi ước

1. Bất kỳ quốc gia thành viên nào đều có thể rút khỏi Công ước này tại bất kỳ thời điểm nào bằng một thông báo gửi cho Tổng thư ký Liên Hợp Quốc.

2. Việc rút khỏi Công ước sẽ có hiệu lực đối với quốc gia thành viên liên quan sau một năm kể từ ngày Tổng thư ký Liên Hợp Quốc nhận được thông báo rút khỏi Công ước.

3. Bất kỳ các quốc gia nào đã tuyên bố hoặc thông báo theo quy định tại điều 36, đều có thể, tại bất kỳ thời điểm nào sau đó, bằng thông báo gửi đến Tổng thư ký Liên Hợp Quốc, tuyên bố chấm dứt mở rộng việc áp dụng Công ước đối với lãnh thổ đó sau một năm kể từ ngày Tổng thư ký nhận được thông báo đó.

Điều 41. Xem xét lại.

1. Bất kỳ quốc gia nào đều có thể yêu cầu xem xét lại Công ước này tại bất kỳ thời điểm nào bằng một thông báo gửi cho Tổng thư ký Liên Hợp Quốc.
2. Đại hội đồng Liên Hợp Quốc sẽ khuyến nghị các bước cần thực hiện, nếu có, liên quan đến yêu cầu này.

Điều 42. Những thông báo của Tổng thư ký Liên Hợp Quốc

Tổng thư ký Liên Hợp Quốc sẽ thông báo đến mọi quốc gia thành viên Liên Hợp Quốc và những quốc gia không là thành viên của Liên Hợp Quốc được đề cập tại điều 35 về:

- (a) việc ký, phê chuẩn, gia nhập theo điều 35.
- (b) các tuyên bố và thông báo theo điều 36.
- (c) những bảo lưu và rút bảo lưu theo điều 38
- (d) ngày mà công ước này sẽ bắt đầu có hiệu lực theo điều 39.
- (e) những tuyên bố rút khỏi Công ước và những thông báo theo điều 40.
- (f) những yêu cầu xem xét lại Công ước theo điều 41.

Văn bản này đã được ký kết với sự chứng nhận của những người là đại diện toàn quyền của các chính phủ ký tên dưới đây..

Để làm bằng, những người ký dưới đây, đã được các chính phủ ủy quyền hợp lệ, đã ký Công ước này.

Làm tại New York, ngày 28/9/1954, bằng tiếng Anh, tiếng Pháp và tiếng Tây Ban Nha, các bản có giá trị như nhau và sẽ được lưu chiếu tại Cơ quan lưu trữ của Liên Hợp Quốc và những bản sao được chứng thực sẽ được chuyển đến tất cả các quốc gia thành viên Liên Hợp Quốc và các quốc gia không là thành viên được đề cập đến tại điều 35.

Phụ lục**Mục 1.**

1. Giấy thông hành được đề cập tại điều 28 của công ước này quy định rằng người có những giấy tờ đó là một người không quốc tịch theo quy định của Công ước ngày 28/9/1954.
2. Giấy tờ sẽ được làm ít nhất bằng hai ngôn ngữ, một trong đó phải bằng tiếng Anh hoặc tiếng Pháp.
3. Các quốc gia thành viên sẽ xem xét các đơn xin cấp giấy thông hành.

Mục 2.

Căn cứ vào những quy định của nước cấp giấy thông hành, giấy thông hành của trẻ em có thể được ghi vào giấy thông hành của bố mẹ, hoặc trong những trường hợp ngoại lệ, vào giấy thông hành của những người đã thành niên khác.

Mục 3.

Chi phí cho việc cấp giấy thông hành sẽ không được cao hơn mức phí thấp nhất để xin hội chiếu của người có quốc tịch .

Mục 4.

Trong những trường hợp đặc biệt hay ngoại lệ, giấy thông hành được cấp sẽ có giá trị pháp lý đối với một số lượng lớn nhất các nước có thể đến.

Mục 5.

Giấy thông hành sẽ có giá trị pháp lý không ít hơn ba tháng và không vượt quá hai năm.

Mục 6.

1. Việc ra hạn hoặc làm mới giấy thông hành là công việc của cơ quan đã cấp giấy thông hành, một khi người mang giấy thông hành vẫn chưa cư trú hợp pháp tại một lãnh thổ khác mà vẫn cư trú hợp pháp tại lãnh thổ của cơ quan được nói đến. Việc cấp một giấy thông hành mới trong cùng điều kiện như nhau là công việc của cơ quan đã cấp giấy thông hành trước đó.

2. Những cơ quan ngoại giao hay lãnh sự có thể được uỷ quyền để ra hạn giấy thông hành do chính phủ của những cơ quan đó cấp trong khoảng thời gian không quá 6 tháng.

3. Các quốc gia thành viên phải có sự xem xét cảm thông trong việc làm mới hoặc gia hạn giấy thông hành hay cấp giấy thông hành mới cho những người không quốc tịch không còn cư trú hợp pháp tại lãnh thổ của họ nhưng lại không thể được cấp giấy thông hành của đất nước mà họ cư trú hợp pháp.

Mục 7.

Các quốc gia thành viên sẽ thừa nhận giá trị pháp lý của những giấy thông hành được cấp phù hợp với quy định của điều 28 Công ước này.

Mục 8.

Các cơ quan có thẩm quyền của nước mà người không quốc tịch mong muốn cư trú, nếu các cơ quan này đã chuẩn bị để chấp nhận người đó và nếu có yêu cầu về chiếu khán, sẽ đính kèm chiếu khán vào giấy thông hành mà người đó mang theo.

Mục 9.

1. Các quốc gia thành viên sẽ đảm nhận việc cấp chiếu khán quá cảnh cho những người không quốc tịch đã có chiếu khán của lãnh thổ sẽ đến trong chặng hành trình cuối cùng.

2. Việc cấp chiếu khán trên có thể bị từ chối về những lý do có thể chứng minh cho việc từ chối chiếu khán đối với bất kỳ người nước ngoài nào.

Mục 10.

Các khoản phí cho việc cấp chiếu khán xuất cảnh, nhập cảnh và quá cảnh không được cao hơn mức thấp nhất của các khoản phí về chiếu khán cho những hội chiếu.

Mục 11.

Khi một người không quốc tịch đã được cư trú hợp pháp ở lãnh thổ của một quốc gia thành viên khác thì trách nhiệm cấp giấy thông hành mới, theo quy định tại điều 28, sẽ thuộc về các cơ quan có thẩm quyền của lãnh thổ mà người không quốc tịch nộp đơn xin cấp.

Mục 12.

Cơ quan cấp giấy thông hành mới giữ lại giấy thông hành cũ và sẽ gửi trả giấy thông hành cũ đến nước đã cấp nếu trong giấy thông hành cũ có ghi rõ ràng giấy thông hành đó cần được gửi trả lại; nếu không, cơ quan cấp giấy thông hành mới sẽ giữ và huỷ giấy thông hành đó.

Mục 13.

1. Giấy thông hành sẽ được cấp phù hợp với điều 28 của Công ước này, trừ phi giấy thông hành đó bao gồm một tuyên bố ngược lại, cho phép người mang nó có quyền nhiều lần trở lại lãnh thổ của quốc gia cấp giấy thông hành tại bất kỳ thời điểm nào trong khoảng gian đó có giá trị. Trong bất kỳ trường hợp nào, khoảng thời gian mà người mang giấy có thể trở lại nước cấp giấy thông hành không dưới ba tháng, trừ phi nước mà người không quốc tịch có nguyện vọng đến không đòi hỏi giấy thông hành phải phù hợp với quyền trở lại.

2. Phụ thuộc vào những quy định của mục trên, một quốc gia thành viên có thể yêu cầu người mang giấy thông hành tuân thủ những thủ tục có thể được yêu cầu về việc xuất cảnh hay nhập cảnh vào lãnh thổ của mình

Mục 14.

Căn cứ vào những quy định của khoản 13, các quy định của Phụ lục này không ảnh hưởng đến luật và những qui định điều chỉnh các điều kiện về việc nhập vào, quá cảnh, cư trú và sinh sống, rời khỏi lãnh thổ của các quốc gia thành viên.

Mục 15.

Không phải việc cấp giấy thông hành hay sự nhập cảnh được tiến hành theo đó sẽ xác định hay ảnh hưởng đến vị thế người không quốc tịch, đặc biệt về quốc tịch.

Mục 16.

Việc cấp giấy thông hành không cho phép, dưới bất kỳ hình thức nào, người mang giấy được hưởng sự bảo hộ của những cơ quan ngoại giao hay lãnh sự của nước cấp giấy, đồng thời không làm phát sinh quyền bảo vệ của các cơ quan này.